TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:**02**/2024/HS-ST
Ngày:09-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Viện và bà Trần Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 394/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Hồng T, sinh ngày 26/4/1974, tại Thái Nguyên; giới tính: Nữ, nơi thường trú: xóm Q, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Hoàng Văn G; Con bà: Phạm Thị P; Có chồng: Lê Quang H; có 03 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 91/2022/HSST ngày 19/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N – Bộ C.

(có mặt tại phiên tòa)

***Bị hại:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (có đơn xin xử vắng mặt)

Nơi thường trú: xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

***Người làm chứng:** Chị Hoàng Thị Kiều T1, sinh năm 1993

Nơi thường trú: tổ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có con gái là Hoàng Thị Kiều T1 tốt nghiệp trường Cao đẳng S chưa xin được việc làm, qua mọi người giới thiệu Hoàng Thị Hồng T có khả năng xin được việc làm, nên cuối tháng 10 năm 2015 bà Nguyễn Thị M đã chủ động liên hệ nhờ T xin cho con gái là Hoàng Thị Kiều T1 vào biên chế. Do T cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên khi được bà M trao đổi T đã nói dối bà M có thể xin việc cho chị T1 vào biên chế làm giáo viên tại một trường tiểu học tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với giá 170.000.000 đồng và yêu cầu bà M phải đưa trước cho T số tiền 120.000.000 đồng để đặt cọc. Bà M tin tưởng T và muốn xin cho con gái vào biên chế nên đã đưa trước cho T 50.000.000 đồng và hẹn về làm hồ sơ xin việc sẽ đưa tiếp. Đến ngày 09/11/2015 bà M cùng với chị T1 và Phạm Thị T2 là nhân viên của bà M đến nhà T tại xóm Q, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giao hồ sơ xin việc và đưa thêm số tiền 70.000.000 đồng, T nhận tiền và viết Giấy biên nhận tiền đồng thời hứa đến ngày 29/02/2016 thì chị T1 sẽ có quyết định tuyển biên chế. Sau khi nhận số tiền 120.000.000 đồng Thanh đã sử dụng với mục đích tiêu sài và trả nợ hết, đến tháng 3 năm 2016 do T1 chưa có quyết định đi làm nên bà M nhiều lần gọi điện hỏi và đòi tiền do sợ bà M làm đơn tố cáo nên T đã trả lại cho bà M 40.000.000 đồng, hẹn sẽ trả số tiền còn lại cho bà M. Sau đó, T chặn điện thoại và bỏ đi nơi khác sinh sống, đến tháng 5 năm 2022 bà M tiếp tục sang nhà tìm T thì biết Công an huyện P khởi tố đối với T về hành vi chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn trình báo Công an thành phố T giải quyết.

Tại kết luận giám định số 1706/KL- KTHS ngày 15/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người ký, viết ra.

Bản cáo trạng số 390/CT-VKSNDTPTN ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Hoàng Thị Hồng T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị Hồng T thừa nhận cần tiền để trả nợ nên đã đưa ra thông tin gian dối, quen biết được nhiều người và có thể xin việc cho chị T1 vào biên chế để tạo lòng tin để lấy tiền của bà Nguyễn Thị M như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Hồng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hồng T từ 04-05 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tù của bản án do Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 80.000.000 đồng còn lại nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, bản thân từ khi vào trại đều không tự phục vụ được đều nhờ các phạm nhân chăm sóc nên không có khả năng lao động, đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.2 Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có yêu cầu bồi thường dân sự do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do vay nợ nhiều, không có tiền trả nợ khi được bà Nguyễn Thị M liên hệ hỏi nhờ xin việc cho con gái là Hoàng Thị Kiều T1 nên Hoàng Thị Hồng T đưa ra thông tin gian dối về việc có nhiều mối quan hệ có thể xin việc cho chị T1 vào biên chế trường tiểu học tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhằm chiếm đoạt tài sản. Do tin tưởng T, nên bà Nguyễn Thị M đã 02 lần đến nhà T tại xóm Q, xã C, thành phố T đưa tiền cho T với tổng số 120.000.000 đồng, sau đó T sử dụng hết số tiền và bỏ trốn.

[3] Hoàng Thị Hồng T mặc dù không công tác trong cơ quan hành chính và không có chức năng về tuyển dụng, tuy nhiên do nợ tiền của nhiều người nên Hoàng Thị Hồng T đưa ra thông tin gian dối để tạo lòng tin có thể xin được việc vào trường học để bà Nguyễn Thị M giao cho bị cáo 02 lần tiền cụ thể cuối tháng 10 năm 2015 đưa 50.000.000 đồng và lần 2 ngày 09/11/2015 đưa số tiền 70.000.000 đồng với tổng số tiền 120.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm

vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, do vậy cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã trả lại một phần tài sản cho bà Nguyễn Thị M là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngày 19/9/2022 bị cáo bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi phạm tội xảy ra thời điểm năm 2016, sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tháng 10 và tháng 11 năm 2015 đối với bà M do đó xem xét bản án của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình là nhân thân, tuy nhiên hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp bản án. Xem xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy, bị cáo là người trưởng thành, đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình nhưng lười lao động, thiếu tu dưỡng rèn luyện, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xem xét cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tu dưỡng rèn luyện, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm chung.

[6] Trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M là 120.000.000 đồng, năm 2016 bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 80.000.000 đồng đến nay bà M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...", tuy nhiên xét bị cáo không có nghề nghiệp, sức khỏe yếu do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có phần nghiêm khắc, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Hồng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Hồng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 91/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2022.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Thị Hồng T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo; người BH;
- Lưu HS,VP.